

Bản án số: 45/2020/HS-ST
Ngày: 17-11-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Nam Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh, bà Trịnh Thị Yên.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Mai Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 11/6/1991 tại xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q (đã chết) và bà Phạm Thị O; có vợ là Mai Thị T (đã ly hôn) và 01 con; tiền án: không; tiền sự: ngày 16/6/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 15 tháng tại cơ sở cai nghiện ma túy số 1 tỉnh Thanh Hóa, chấp hành xong ngày 14/10/2018; nhân thân: ngày 31/12/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/10/2015; ngày 18/3/2016 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/9/2016; được đương nhiên xóa án tích cả 02 bản án ngày 03/9/2018; bị tạm giữ ngày 29/3/2020, tạm giam ngày 04/4/2020; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Phạm Thị O, sinh năm 1969; nơi cư trú: thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2/ Anh Dương Tuấn A, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; hiện đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

3/ Anh Mai Văn T1, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn B, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 27/3/2020, Trần Văn T mua của một người nam thanh niên không rõ tên, tuổi, địa chỉ tại khu vực L, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa 01 gói ma túy với số tiền 1.000.000 đồng đem về nhà cất giấu để sử dụng cho cá nhân và bán lại cho những người khác có nhu cầu.

Sáng ngày 29/3/2020, Nguyễn Văn Đ gọi điện thoại cho T hỏi mua 01 gói ma túy đá với giá 1.000.000 đồng, T đồng ý và hẹn Đ đến gần nhà ở của T để nhận ma túy. Đ rủ Nguyễn Văn Đ1 là người quen đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Đ và Đ1 đến điểm hẹn, lúc này khoảng 10h15' cùng ngày. Do đã biết nhau từ trước và đã trao đổi qua điện thoại nên khi gặp nhau, Đ đưa cho T 1.000.000 đồng và nhận lại từ T 01 gói ma túy đá. Ngay khi hành vi giao nhận tiền, ma túy giữa T và Đ vừa thực hiện xong thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện Nga Sơn phát hiện, bắt quả tang; thu giữ của Nguyễn Văn Đ 01 gói nylon kích thước 3x3cm, bên trong chứa chất màu trắng dạng tinh thể; thu giữ của Trần Văn T số tiền 1.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, gắn sim số 0838.043.735, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, đã qua sử dụng.

Ngay sau đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn thi hành lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn T tại thôn Đ, xã B, phát hiện và thu giữ trong phòng ngủ của T, gồm: 68 ống thủy tinh, mỗi ống có chiều dài khoảng 20cm và đường kính khoảng 0,5cm; 01 túi ống nhựa (không kiểm đếm số lượng); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm: 01 bình nhựa; 01 đoạn ống nhựa; 01 coóng thủy tinh một đầu hình cầu bên trong có chất màu trắng dạng tinh thể); 01 đoạn ống nhựa dài 03cm, dán kín hai đầu, bên trong có chất màu trắng dạng tinh thể; 02 vỏ túi ni lông có kích thước 2x4cm và 2x3cm.

Tại kết luận giám định số 1101/PC09 ngày 01/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Chất màu trắng dạng tinh thể của phong bì niêm phong mặt trước có ghi “Quả tang” gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,058g (không phải không năm tám gam) loại: Methamphetamine.

- Chất màu trắng dạng tinh thể của phong bì niêm phong mặt trước có ghi “Khám xét M1” gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,134g (không phải một ba bốn gam) loại: Methamphetamine.

- Chất màu trắng dạng tinh thể bên trong công hình cầu của hộp giấy catton có khối lượng 0,148g (không phải một bốn tám gam), có tìm thấy thành phần chất ma túy, loại: Methamphetamine.

Ngoài lần bán trái phép chất ma túy nêu trên, Trần Văn T còn tự thú khai nhận và cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn đã điều tra chứng minh được từ ngày 20/3/2020 đến khi bị bắt, Trần Văn T còn có hành vi nhiều lần bán trái phép chất ma túy cho nhiều người và nhiều lần chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy đối với nhiều người, cụ thể như sau:

Số ma túy T mua được vào ngày 27/3/2020, sáng ngày 28/3/2020, anh Mai Văn T1 là người quen T, biết T có bán ma túy, nên đến nhà T hỏi mua ma túy. T đã bán cho anh T1 400.000 đồng ma túy loại Methamphetamine, đồng thời anh T1 xin sử dụng ngay tại nhà của T thì được T đồng ý. Lúc này tại nhà T có anh Dương Tuấn A đến chơi. T1 và Tuấn A sử dụng ma túy mua được ngay tại phòng ngủ của T. Số tiền 400.000 đồng mua ma túy lần này, T1 chưa thanh toán cho T. Đến tối ngày 28/3/2020, anh Mai Văn N điện thoại cho Trần Văn T hỏi mua ma túy, T đồng ý bán. Mai Văn N đã đến nhà T, T bán cho anh N 300.000 đồng ma túy và đồng ý cho anh N mượn bộ dụng cụ sử dụng ma túy để anh N sử dụng ma túy ngay tại phòng ngủ của T.

Trước đó, ngày 20/3/2020, Trần Văn T cũng mua được 01 gói ma túy giá 500.000 đồng tại thị trấn H đem về nhà. Khoảng ngày 23 hoặc 24/3/2020, Trần Văn T bán cho anh Mai Văn T1 200.000 đồng ma túy đá, đồng thời cho anh T1 và Tuấn A sử dụng ma túy bằng bộ dụng cụ sử dụng ma túy của T ngay tại phòng ngủ của T. Tối ngày 26/3/2020, anh Mai Văn N điện thoại liên lạc với T hỏi mua ma túy, T đồng ý. Anh N đến nhà T, T bán cho anh N 300.000 đồng ma túy và được T cho sử dụng ma túy ngay tại phòng ngủ của T.

Trước ngày 29/3/2020 khoảng một tuần (ngày 22 hoặc 23/3/2020) Nguyễn Văn Đ đến nhà Trần Văn T chơi. T và Đ cùng sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà ở của T. Đ đưa cho T 300.000 đồng nhưng T không nhận.

Ngoài ra, trước khi bị bắt, T còn cho Dương Tuấn A sử dụng trái phép chất ma túy cùng với T nhiều lần nhưng không nhớ được thời gian cụ thể.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKSNS-MT ngày 06/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Trần Văn T về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và tội: “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn giữ nguyên quan điểm kết tội đối với bị cáo theo tội danh, điều khoản đã nêu trong cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm đối với nội dung vụ án. Sau khi phân tích, đánh giá toàn diện vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm b, điểm d khoản 2 Điều 256; điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều

38; Điều 55 BLHS xử phạt Trần Văn T từ 08(tám) năm đến 09(chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, từ 08(tám) năm đến 09(chín) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; tổng hợp hình phạt từ 16(mười sáu) năm đến 18(mười tám) năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định, 01 ống thủy tinh cong (một đầu hình cầu), 01 vỏ gói ni lông, 01 đoạn ống nhựa trong phong bì niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa; 68 ống thủy tinh; 02 vỏ túi ni lông; 01 túi ống nhựa; 01 bình nhựa; 01 ống hút nhựa. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng. Trả lại cho bà Phạm Thị O 01 điện thoại di động, cho anh Dương Tuấn A 01 điện thoại di động. Truy thu của Trần Văn T 800.000 đồng, của anh Mai Văn T1 400.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Trần Văn T thừa nhận và khai báo toàn bộ hành vi mua bán trái phép chất ma túy, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy của mình trong vụ án đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, không có ý kiến gì đối với các văn bản tố tụng hình sự, cũng như lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong vụ án. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị O không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Lời khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các văn bản tố tụng hình sự khác, như: biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; biên bản khám xét; biên bản kiểm tra nhật ký điện thoại; kết luận giám định... cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập theo trình tự luật định, phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ ngày 20/3/2020 đến ngày 29/3/2020, Trần Văn T đã 02 lần mua ma túy trái phép loại Methamphetamine với số tiền 1.500.000 đồng, khối lượng Cơ quan CSĐT thu giữ được là 0,34 gam. Sau khi mua được ma túy, T đã 05 lần bán trái phép cho các anh Nguyễn Văn Đ, Mai Văn T1, Mai Văn N, số tiền thu được do phạm tội mà có là 2.200.000 đồng. T đã nhận 1.800.000 đồng, còn 400.000 đồng anh T1 chưa thanh toán cho T. Đồng thời, trong các lần bán trái phép chất ma túy, Trần Văn T 05 lần chứa chấp cho các anh Đ, T1, N và Tuấn A sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng ngủ của T tại thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Trong đó có 02 lần Trần Văn T cho hai người sử dụng trái phép chất ma túy tại nơi ở của mình. Hành vi nêu trên của Trần Văn T đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và

“Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và điểm b, điểm d khoản 2 Điều 256 BLHS.

Quan điểm buộc tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đối với bị cáo theo các tội danh và khung hình phạt như bản cáo trạng là hoàn toàn thỏa đáng, đảm bảo căn cứ pháp luật.

[2] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Đây là chất gây nghiện có tác hại rất lớn, ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người, là một trong những nguyên nhân chính gây ra các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương, gây tâm lý hoang mang, bất bình cho quần chúng nhân dân.

Xét nhân thân: Trần Văn T là người có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù; Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù đều về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 15 tháng. Tuy tuổi đời còn trẻ, nhưng thường xuyên sử dụng chất ma túy, nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS): Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS là tự thú và thành khẩn khai báo.

Đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét yếu tố nhân thân và tình tiết giảm nhẹ TNHS như đã phân tích, HĐXX thấy cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt và phòng ngừa tội phạm chung trong cộng đồng.

Về hình phạt bổ sung: Sau khi xem xét, cân nhắc, HĐXX thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 251, khoản 3 Điều 256 BLHS đối với bị cáo, vì bị cáo là người lao động tự do, thu nhập không ổn định.

Trong vụ án này, Nguyễn Văn Đ có hành vi mua chất ma túy để sử dụng cho bản thân, khối lượng 0,058 gam loại Methamphetamine; Mai Văn T1 và Mai Văn N đã sử dụng hết chất ma túy mua được của Trần Văn T nên không xác định được khối lượng; nhân thân Đ, T1, N chưa có tiền án, tiền sự nên hành vi không cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đối với người bán ma túy cho Trần Văn T tại thị trấn H, huyện H, hiện đã thông báo truy tìm nhưng chưa có kết quả, nên tiếp tục điều tra xác minh làm rõ và xử lý sau.

[3] Về vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy lượng ma túy Cơ quan điều tra thu giữ được còn lại sau giám định (bỏ trong phong bì thư được dán kín, niêm phong) là vật cấm lưu hành; 01 hộp giấy màu trắng được dán kín, niêm phong; 68 ống

thủy tinh; 01 túi ống nhựa; 01 bộ sử dụng ma túy đá (gồm: 01 bình nhựa; 01 đoạn ống nhựa); 02 vỏ túi ni lông là những vật chứng không sử dụng được. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng do Trần Văn T phạm tội mà có.

Chiếc điện thoại di động Iphone gắn sim số 0838.043.735 mà T sử dụng liên lạc mua bán trái phép chất ma túy là tài sản của bà Phạm Thị O (mẹ của T). Bà O cho T mượn để sử dụng khoảng 01 tháng trước đó để liên lạc cá nhân. Bà O không biết T sử dụng để liên lạc trong việc mua bán ma túy. Chiếc điện thoại Iphone 6 là của anh Dương Tuấn A để quên tại nhà T, không liên quan đến hành vi phạm tội. Do đó cần trả lại cho bà Phạm Thị O và anh Dương Tuấn A.

Truy thu của Trần Văn T số tiền 800.000 đồng do thu lợi bất chính, của anh Mai Văn T1 400.000 đồng do nợ tiền mua ma túy của T chưa thanh toán sung vào ngân sách Nhà nước.

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong các giai đoạn tố tụng đã thực hiện và ban hành đều hợp pháp, tuân thủ các nguyên tắc tố tụng cũng như đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS).

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm (HSST) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm b, điểm d khoản 2 Điều 256; điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 BLHS:

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội: “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 08(tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 08(tám) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 16(mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 29/3/2020.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 BLHS; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy lượng ma túy còn lại sau giám định bỏ trong 01(một) phong bì thư do Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được kí hiệu là “T1”, được dán kín, niêm phong, có chữ ký viết tên Nguyễn Trần Đăng, Lại Thị Thanh Loan, Lưu Đức Thắng và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa (theo biên bản niêm phong và giao nhận lại mẫu vật sau giám định); 01(một) hộp giấy màu trắng kí hiệu là “T2” được dán kín, niêm phong

bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lại Thị Thanh Loan, Lưu Đức Thắng và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa; 68(sáu mươi tám) ống thủy tinh dài khoảng 20cm, đường kính ống khoảng 0,5cm; 01(một) túi ống nhựa; 01(một) bộ sử dụng ma túy đá gồm: 01 bình nhựa, 01 đoạn ống nhựa; 02(hai) vỏ túi ni lông, kích thước khoảng 2x4cm và 2x3cm.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) Cơ quan điều tra đã thu giữ của Trần Văn T.

Trả lại cho bà Phạm Thị O 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, đã qua sử dụng. Trả lại cho anh Dương Tuấn A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng và ủy nhiệm chi ngày 12/10/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn).

Truy thu của Trần Văn T số tiền 800.000đ (tám trăm nghìn đồng); của anh Mai Văn T1 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Nga Sơn;
- Cơ quan THAHS CA huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến

